

Số: 100 /TB-HĐTDVC

Tân Bình, ngày 26 tháng 6 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển ở vòng 2 và nộp phí xét tuyển viên chức kỳ tuyển dụng viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình năm học 2023 - 2024

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về tuyển dụng viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình năm học 2023 – 2024;

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình năm học 2023 – 2024,

Thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét tuyển viên chức theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ Nội vụ. Sau khi có kết quả của Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng viên chức tiến hành tổ chức họp thông qua kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển (vòng 1) đối với thí sinh trong kỳ tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình năm học 2023 – 2024.

Hội đồng tuyển dụng viên chức đã họp, thống nhất kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển (Vòng 1) đối với thí sinh tham gia kỳ tuyển dụng viên chức các

đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình năm học 2023 – 2024 và thông báo Danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia kiểm tra, sát hạch (Vòng 2) được biết và tham dự đúng quy định:

1. Danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia kiểm tra, sát hạch (vòng 2) kỳ tuyển dụng viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình năm học 2023 – 2024 được đính kèm tại phụ lục của Thông báo này.

2. Thí sinh tự rà soát (*họ tên, năm sinh, vị trí dự tuyển, đơn vị dự tuyển, bằng cấp, chứng chỉ, đối tượng ưu tiên...*); đồng thời chịu trách nhiệm về thông tin cá nhân được niêm yết danh sách công khai trên Cổng thông tin điện tử quận Tân Bình: <https://tanbinh.hochiminhcity.gov.vn> và Trang thông tin điện tử Phòng Giáo dục và Đào tạo: <https://pgdtanbinh.hcm.edu.vn>.

Trong trường hợp có điều chỉnh đề nghị ứng viên dự tuyển liên hệ trực tiếp bà Nguyễn Thị Minh Phương, Thành viên Tổ Thư ký giúp việc Hội đồng tuyển dụng viên chức - Chuyên viên Phòng Giáo dục và Đào tạo quận. Số điện thoại liên hệ: 028.39490832 (trong giờ hành chính) để được điều chỉnh **chậm nhất đến 11 giờ 00 phút ngày 29 tháng 6 năm 2023**.

3. Thí sinh đủ tiêu chuẩn vào kiểm tra, sát hạch (vòng 2) thực hiện nộp lệ phí tham gia tuyển dụng trực tiếp tại Phòng Giáo dục và Đào tạo, địa chỉ số 97 Trường Chinh, Phường 12, quận Tân Bình **từ ngày 27 tháng 6 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023** (Sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 00 phút).

Lệ phí tham gia tuyển dụng là 400.000 đồng (bốn trăm ngàn đồng).

4. Vào lúc **8 giờ 30 phút ngày 28 tháng 6 năm 2023**, các thí sinh đủ điều kiện tham dự kiểm tra, sát hạch (Vòng 2) theo danh sách đính kèm tại phụ lục của Thông báo này có mặt tại Hội trường lớn lầu 2, Phòng Giáo dục và Đào tạo, địa chỉ số 97 Trường Chinh, Phường 12, quận Tân Bình để nghe phổ biến quy chế, nội quy, nội dung, hình thức kiểm tra, sát hạch vòng 2.

5. Tổ chức kiểm tra, sát hạch vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2023 - 2024 vào ngày **01 tháng 7 năm 2023** (sẽ có thông báo sau).

***Lưu ý:** Trong thời gian tổ chức tuyển dụng viên chức, các thí sinh thường xuyên theo dõi trên Cổng thông tin điện tử quận Tân Bình và Trang thông tin điện tử Phòng Giáo dục và Đào tạo để nắm thông tin. Mọi thắc mắc (nếu có) liên hệ bà Nguyễn Thị Minh Phương, Thành viên Tổ Thư ký giúp việc Hội đồng tuyển dụng viên chức – 028.39490832 (trong giờ hành chính) để được hướng dẫn.

Trên đây là nội dung thông báo của Hội đồng tuyển dụng viên chức đến thí sinh tham gia kỳ tuyển dụng viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình năm học 2023 – 2024 được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- TTUB: CT (để b/c);
- Thành viên HĐTDVC;
- Ban Giám sát (theo QĐ số 178/QĐ-UBND ngày 29/5/2023);
- Ban Kiểm tra, sát hạch;
- Lưu: VT, Y.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
CHỦ TỊCH**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND QUẬN
Lê Thị Thu Sương**

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA KIỂM TRA, SÁT HẠCH (VÒNG 2)
KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN TÂN BÌNH NĂM HỌC 2023 - 2024
(Kèm theo Thông báo số 100/TB-HĐTDVC ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghề vụ sự phạm	Đối tượng ưu tiên	Kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	28/3/1980	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 2	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm CE	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
2	A DA	29/4/1992	Nữ	Xơ - đăng	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 2	Cao đẳng	Sư phạm mầm non	Anh văn A2	A		dân tộc Xơ - đăng	Đủ điều kiện	
3	Nguyễn Thị Kiều Hoa	25/6/1982	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Quận	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn A2	A		Không	Đủ điều kiện	Gửi đường bưu điện
4	Ngô Thị Muội	17/01/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Quận	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	A	Bồi dưỡng nghiệp vụ sự phạm	Không	Đủ điều kiện	
5	Nguyễn Minh Hằng	15/11/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Quận	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn A	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
6	Nguyễn Thủy Hằng	11/11/1985	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Quận	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm CE	A		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời
7	Trần Thị Thủy Vi	23/5/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tân Sơn Nhất	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT nâng cao		Không	Đủ điều kiện	
8	Nguyễn Thị Thu Hương	12/04/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 5	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	A		Không	Đủ điều kiện	
9	Phạm Thị Nga	14/8/1971	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 5	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	A		Không	Đủ điều kiện	
10	Trịnh Tuyết Trăn	21/5/2000	Nữ	Hoa	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 5	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Dân tộc Hoa	Đủ điều kiện	
11	Thân Ngọc Mai	16/01/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 9	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B	A		Không	Đủ điều kiện	
12	Nguyễn Thị Hương	12/02/1985	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 8	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	Tin học nâng cao		Không	Đủ điều kiện	
13	Võ Thị Ngọc Nhi	05/4/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 8	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm DH	Theo bảng điểm DH		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghề vụ sự phạm	Đối tượng ưu tiên	Kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển	Ghi chú
14	Nguyễn Thị Minh Thư	09/4/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 9	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
15	Nguyễn Thị Mống Thủy	17/10/1988	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 10A	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
16	Lưu Ngọc Trinh	21/6/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 10A	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
17	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	02/3/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phú Hòa	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
18	Đặng Thị Thu Hải	26/8/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 11	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn A2	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
19	Trương Diệu Linh	09/02/1992	Nữ	Tây	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 11	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH		Dân tộc Tây	Đủ điều kiện	Gửi đường bưu điện
20	Trương Ngọc Diễm Quỳnh	27/6/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 13	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
21	Hà Thị Chuyên	30/01/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Khoa học giáo dục (Sư phạm mầm non)	Anh văn B	B		Không	Đủ điều kiện	
22	Trương Thị Trúc	15/02/1997	Nữ	Chăm	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Sư phạm mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản		dân tộc Chăm	Đủ điều kiện	
23	Viên Thụy Linh	03/12/1978	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B	A		Không	Đủ điều kiện	
24	Nguyễn Thị Mỹ Liên	21/4/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
25	Nguyễn Thị Thanh Thủy	29/10/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
26	Võ Hồng Da Cẩn	20/02/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Giáo dục mầm non	Tiếng trung HSK3	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
27	Phan Thị Thảo Nhi	03/12/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
28	Trần Thị Bích Trâm	14/10/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 14	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
29	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	31/8/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Mi	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời
30	Lê Thị Sương	22/12/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	B		Không	Đủ điều kiện	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghị vụ sự phạm	Đối tượng ưu tiên	Kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển	Ghi chú
31	Hoàng Thị Chinh	13/7/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
32	Nguyễn Thị Thủy Uyên	12/3/1985	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Sư phạm Mẫu giáo	Anh văn B	A		Không	Đủ điều kiện	
33	Lê Nguyễn Hồng Ngọc	18/10/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Sư phạm mầm non	Anh văn B	CNTT nâng cao		Không	Đủ điều kiện	
34	Nguyễn Đỗ Quỳnh Anh	18/4/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Giáo dục mầm non	Toeic 350	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
35	Võ Thị Ngọc Trâm	08/10/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
36	Nguyễn Thị Hồng Đào	01/01/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
37	Lê Thị Thanh Huệ	01/9/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
38	Trương Thị Mỹ Trang	29/9/1988	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn A	A		Không	Đủ điều kiện	
39	Nguyễn Thị Bích Đào	29/10/1989	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
40	Trần Thị Thi	07/8/1979	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	B		Không	Đủ điều kiện	
41	Nguyễn Thị Vân	06/8/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
42	Đinh Thị Mỹ Linh	07/01/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH		Không	Đủ điều kiện	
43	Lê Thị Lan	26/02/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Giáo dục mầm non	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
44	Nguyễn Thị Mai Hương	15/12/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Anh văn A2	A		Không	Đủ điều kiện	
45	Lê Thị Thanh Quỳn	07/5/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bàu Cát	Đại học	Giáo dục mầm non	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
46	Lâm Thị Ngọc Mỹ	04/5/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 1.5	Thạc sĩ	Giáo dục học (GDMN)	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
47	Nguyễn Thị Thanh Xuân	13/4/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B2	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghề vụ sự phạm	Đối tượng ưu tiên	Kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển	Ghi chú
48	Bùi Thị Quỳnh Mai	18/8/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
49	Bùi Hoàng Tuyết Linh	18/02/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
50	Đỗ Bùi Xuân Mai	04/6/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp
51	Trần Trúc Vy	28/02/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp
52	Phạm Thị Kim Tuyền	20/12/1989	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B		Không	Đủ điều kiện	
53	Kiều Thị Thái Xuân	17/5/1993	Nữ	Chăm	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản		dân tộc Chăm	Đủ điều kiện	
54	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	08/7/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn A2	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
55	Phan Lâm Thư Trúc	02/9/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	Chứng chỉ		Không	Đủ điều kiện	
56	Nguyễn Nhã Trúc	08/5/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	A		Không	Đủ điều kiện	
57	Đặng Hà Minh Thư	12/02/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp
58	Trần Minh Khuê	09/3/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
59	Nguyễn Vũ Hoàng Quyên	27/9/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Toeic 645	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp
60	Hồ Thị Tinh	28/6/1995	Nữ	Vân Kiều	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản		dân tộc Vân Kiều	Đủ điều kiện	
61	Nguyễn Thị Ngọc Anh	17/6/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	A		Không	Đủ điều kiện	
62	Võ Thị Hiền	05/09/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
63	Lê Ngọc Yến Nhi	13/6/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp
64	Nguyễn Cát Lương	16/4/2000	Nam	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghề vụ sự phạm	Đối tượng ưu tiên	Kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển	Ghi chú
65	Phạm Hoài Vy	27/9/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH		Không	Đủ điều kiện	
66	Mai Vũ Lê Na	02/6/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp
67	Lê Thị Mỹ Duyên	10/10/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp
68	Đào Thị Thanh Vi	16/4/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Toeic 720	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
69	H Dương Adrong	28/6/1998	Nữ	Ê đê	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn A2	CNTT cơ bản		dân tộc Ê đê	Đủ điều kiện	
70	Đàm Lê Cẩm Tú	06/01/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp
71	Lê Thị Hoa	20/10/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Giáo dục tiểu học	Đại học Ngôn ngữ Anh	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
72	Trần Thị Kim Thơ	22/10/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	Theo bảng điểm ĐH		Không	Đủ điều kiện	
73	Nguyễn Thị Huỳnh Linh	11/12/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyển	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm	Theo bảng điểm		Không	Đủ điều kiện	
74	Phạm Thanh Thủy	20/9/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B		Không	Đủ điều kiện	
75	Nguyễn Thị Mỹ Oanh	28/02/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B		Không	Đủ điều kiện	
76	Hoàng Thị Ngọc	18/12/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	B		Không	Đủ điều kiện	
77	Mai Văn Minh	22/09/1988	Nam	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
78	Lê Thị Bích Trâm	20/12/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B		Không	Đủ điều kiện	
79	Nguyễn Xuân Phương Thy	02/7/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
80	Nguyễn Phan Minh Tuyển	04/03/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nhiệm vụ sự phạm	Đối tượng ưu tiên	Kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển	Ghi chú
81	Cao Thị Trúc Ly	11/9/1989	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
82	Nguyễn Thị Thơ	22/02/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B		Không	Đủ điều kiện	
83	Bích Thị Quỳnh Như	01/02/1993	Nữ	Chăm	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	A		dân tộc Chăm	Đủ điều kiện	
84	Huỳnh Gia Minh	02/7/1990	Nam	Hoa	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	Trung cấp Tin học		dân tộc Hoa	Đủ điều kiện	
85	Huỳnh Chí Hào	18/4/1994	Nam	Hoa	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản		dân tộc Hoa	Đủ điều kiện	
86	Nguyễn Thị Minh Nhiên	22/12/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B2	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
87	Hoàng Lê Thanh Thảo	22/5/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
88	Trần Thị Thanh Nhan	01/8/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp
89	Nguyễn Thị Trà My	15/5/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	A		Không	Đủ điều kiện	
90	Nguyễn Hồng Ngọc	08/9/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEIC 215	UDCNTT trong dạy học		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp
91	Nguyễn Thị Thủy	28/02/1975	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	A		Không	Đủ điều kiện	
92	Lê Thùy Thảo Uyên	12/8/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	Ứng dụng CNTT dạy học		Không	Đủ điều kiện	
93	Phạm Thủy Hương	16/7/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp
94	Huỳnh Thị Ngoan Em	30/10/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B		Không	Đủ điều kiện	
95	Đoàn Thị Thủy Vân	25/6/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
96	Nguyễn Thị Thu Ngân	25/8/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
97	Đỗ Thị Hồng Minh	20/8/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
98	Đào Phan Hoàng Phúc	02/01/1996	Nam	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
99	Lê Kim Ngân	19/1/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	Anh văn B2	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghề vụ sự phạm	Đối tượng ưu tiên	Kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển	Ghi chú
100	Trần Yến Phương	14/02/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
101	Phạm Thị Trúc Phương	14/01/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH			Không	Đủ điều kiện	
102	Chu Văn Trang	20/8/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B2	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp
103	Hoàng Lê Ánh Tuyết	20/9/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEIC 745	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
104	Nguyễn Lương Hồng Phúc	13/10/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp
105	Nguyễn Ái Mỹ	26/12/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEIC 825	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp
106	Phan Tuyết Nhi	19/12/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
107	Hồ Thị Thanh Kiều	21/5/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Cách Mạng Tháng Tám	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT nâng cao		Không	Đủ điều kiện	
108	Bùi Thùy Giang	03/12/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn A2	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
109	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	11/6/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
110	Trần Thụy Phương Thảo	15/09/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	A		Không	Đủ điều kiện	
111	Phạm Nguyễn Hoàng Khánh Duy	02/4/2001	Nam	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp
112	Nguyễn Thị Thanh Vy	22/11/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp
113	Bùi Thị Mai Ngọc	16/10/1988	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Yên Thế	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	A		Không	Đủ điều kiện	
114	Huỳnh Lê Yến Nhi	01/06/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn A2	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
115	Thái Thị Ánh Tuyết	06/7/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
116	Võ Thị Thủy Hằng	25/6/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp
117	Lý Thị Phương Dung	20/7/1987	Nữ	Kinh	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B	B		Không	Đủ điều kiện	
118	Lê Hồng Ngọc	02/5/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp tiểu học	Không	Đủ điều kiện	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghề vụ sự phạm	Đổi tương ưu tiên	Kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển	Ghi chú
119	Cao Thị Minh Diệu	02/11/1985	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	Đại học	Ngữ văn Anh	Đại học	CNTT cơ bản	Bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp tiểu học	Không	Đủ điều kiện	
120	Phan Thị Tường Vi	01/9/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	Anh văn C; Pháp văn B	B	Bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp tiểu học	Không	Đủ điều kiện	
121	Phan Thị Cẩm Tú	15/4/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Anh văn bậc 5	B	Bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp tiểu học	Không	Đủ điều kiện	
122	Trần Thị Thủy Uyên	19/5/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Anh văn C	CNTT nâng cao	Bồi dưỡng NVSP cho GV cấp Tiểu học	Không	Đủ điều kiện	
123	Phan Thị Phương Thảo	02/9/1985	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Cách Mạng Tháng Tám	Đại học	Tiếng anh	Anh văn B2; Tiếng Pháp B	A	Bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp Tiểu học	Không	Đủ điều kiện	
124	Nguyễn Thị Minh Lan	15/4/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Thán Nhân Trung	Đại học	Sư phạm Anh	Anh văn B2	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
125	Trần Ngọc Thủy Tiên	02/08/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Ngữ văn Anh	Tiếng Hán TOPIK I	Tin học đại cương	Bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp Tiểu học	Không	Đủ điều kiện	
126	Nguyễn Hoàng Nhân	10/10/1990	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	Anh văn B2; Pháp văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
127	Bùi Thị Hồng Kiều	20/11/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên Mỹ thuật	Trường Tiểu học Bành Văn Trân	Đại học	Sư phạm Mỹ thuật	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
128	Lâm Thị Hồng Thắm	01/06/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên thể dục	Trường Tiểu học Bành Văn Trân	Đại học	Giáo dục thể chất	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
129	Trương Công Hậu	15/03/1998	Nam	Kinh	Giáo viên thể dục	Trường Tiểu học Bành Văn Trân	Đại học	Giáo dục thể chất	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
130	Đoàn Thị Bích Hương	14/4/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên thể dục	Trường Tiểu học Bành Văn Trân	Đại học	Giáo dục thể chất	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
131	Nguyễn Trần Ngọc Dung	20/09/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên thể dục	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
132	Võ Minh Vũ	27/02/1997	Nam	Kinh	Giáo viên thể dục	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Giáo dục thể chất	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH		Không	Đủ điều kiện	
133	Lê Thị Uyên Phương	09/7/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên thể dục	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	Đại học	Giáo dục thể chất	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
134	Cao Tấn Huy	14/7/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Đại học	Sư phạm Tin học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH		Không	Đủ điều kiện	
135	Trịnh Minh Thế	10/7/1991	Nam	Khmer	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Sư phạm Tin học	Anh văn B1	Đại học		dân tộc Khmer	Đủ điều kiện	
136	Trần Thị Xuân Diễm	04/11/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Phú Thọ Hòa	Đại học	Sư phạm Tin học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghề vụ sư phạm	Đối tượng ưu tiên	Kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển	Ghi chú
137	Nguyễn Lê Phương Dung	21/10/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên Âm nhạc	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Anh văn B	CNTT nâng cao		Không	Đủ điều kiện	
138	Phan Nguyễn Linh Tuyển	22/01/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Âm nhạc	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	TOEIC520	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
139	Huỳnh Lê Tường Vi	01/5/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên Âm nhạc	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Anh văn A	A		Không	Đủ điều kiện	
140	Nguyễn Hồng Dương	26/02/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Tin học	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Tin học	Theo bảng điểm ĐH	Đại học		Không	Đủ điều kiện	
141	Ngô Đình Huế	20/10/1986	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B	B		Không	Đủ điều kiện	
142	Nguyễn Thanh Danh	03/11/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
143	Nguyễn Thị Trúc Linh	29/03/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
144	Ngô Hoài Nhân	21/6/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	Tin học cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
145	Lê Văn Tuấn	31/10/1993	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
146	Trần Xuân Trường	26/10/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
147	Đỗ Thanh Bình	04/4/1991	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Thể dục thể thao	Anh văn B1	Chứng chỉ Tin học		Không	Đủ điều kiện	
148	Nguyễn Đức Hồng Quán	21/6/2000	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	UDCNTT trong dạy học		Không	Đủ điều kiện	
149	Cao Thành Đạt	27/11/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Quang Trung	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
150	Kim Xuân Tiến	21/12/1993	Nam	Khmer	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B	CNTT cơ bản		dân tộc Khmer	Đủ điều kiện	
151	Nguyễn Huỳnh Lộc	23/02/1996	Nam	Kinh	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Trường Chinh	Đại học	Giáo dục thể chất	Anh văn B1	Theo bảng điểm ĐH		Không	Đủ điều kiện	
152	Nguyễn Huyền Trinh	14/9/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
153	Võ Trần Quỳnh Như	01/3/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	IELTS 6.5 (B2); Trung văn A	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
154	Lưu Quốc Anh	09/4/1996	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Ngôn ngữ Anh		CNTT cơ bản	bồi dưỡng NVSP cho giáo viên tiếng anh cấp THCS	Không	Đủ điều kiện	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nhiệm vụ sự phạm	Đối tượng ưu tiên	Kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển	Ghi chú
155	Nguyễn Sơn Trà	10/09/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Powerpoint word (Microsoft Office Specialist)	bồi dưỡng NVSP cho Giáo viên THCS	Không	Đủ điều kiện	
156	Chu Nguyễn Minh Huy	11/12/1993	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Anh văn B2; TKT-Tesol	B	bồi dưỡng NVSP cho giáo viên tiếng anh cấp THCS	Không	Đủ điều kiện	
157	Nguyễn Dương Ánh Nguyệt	08/06/1982	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Ngữ văn Anh	Anh văn C1; Pháp văn A	A	Bồi dưỡng NVSP Tiếng Anh THCS	Không	Đủ điều kiện	
158	Nguyễn Bích Loan	24/10/1975	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Anh văn	Đại học	Tin học Văn phòng 1, 2		Không	Đủ điều kiện	
159	Hoàng Kiều Chi	25/5/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Anh văn	Ielts 6.0	Tin học Ứng dụng		Không	Đủ điều kiện	
160	Nguyễn Thị Bích Tuyền	20/5/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Trung C	Tin học A	NVSP THCS tiếng Anh	Không	Đủ điều kiện	
161	Dương Thị Như	28/6/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	IELTS 6.5 (B2)	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
162	Nguyễn Phạm Quỳnh Hương	01/06/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Anh văn B2; Trung văn HSK3 (B2)	CNTT cơ bản	bồi dưỡng NVSP cấp trung học cơ sở	Không	Đủ điều kiện	
163	Lê Ngọc Phương	15/3/1981	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Pháp văn A	A		Không	Đủ điều kiện	
164	Từ Quang Thiện	30/10/1987	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
165	Nguyễn Thị Nga	12/3/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	CNTT cơ bản	bồi dưỡng NVSP cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên THCS	Không	Đủ điều kiện	
166	Huỳnh Ngân Hà	09/02/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Trung văn C	A	bồi dưỡng NVSP cho GV tiếng Anh cấp THCS	Không	Đủ điều kiện	
167	Hoàng Đức Hiếu	25/6/2000	Nam	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	IELTS 6,5-7,5	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
168	Nguyễn Thị Thắm	06/12/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	Hoa văn A	UDCNTT trong dạy học		Không	Đủ điều kiện	
169	Nguyễn Thụy Hằng	09/5/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm toán học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH		Không	Đủ điều kiện	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghề vụ ar phạm	Đối tượng ưu tiên	Kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển	Ghi chú
170	Nguyễn Đức Soát	06/02/1983	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm toán học	Anh văn B	CNTT nâng cao		Không	Đủ điều kiện	
171	Bùi Kim Thanh	04/5/1984	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán	Anh văn A	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
172	Trương Văn Kim	20/9/1985	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán	Anh văn A	Kỹ thuật viên Tin học		Không	Đủ điều kiện	
173	Nguyễn Minh Trí	11/3/1991	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán	Anh văn B	B		Không	Đủ điều kiện	
174	Văn Công Tài	04/10/1994	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán	Anh văn B	A		Không	Đủ điều kiện	
175	Nguyễn Thị Phương Thảo	27/8/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Theo bảng điểm ĐH	B		Không	Đủ điều kiện	
176	Nguyễn Thị Thu Thủy	06/9/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	Theo bảng điểm ĐH		Không	Đủ điều kiện	
177	Nguyễn Đức Thắng	30/8/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
178	Đặng Thị Thục Quyên	29/12/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Toeic 665	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
179	Phạm Hải Sơn	06/5/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	Đại học		Không	Đủ điều kiện	
180	Lê Văn Long	18/11/1990	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	B		Không	Đủ điều kiện	
181	Đổng Thị Mai Dung	29/01/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
182	Trần Phương Thảo	05/11/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	Cao đẳng Sư phạm Toán - Tin		Không	Đủ điều kiện	
183	Trịnh Chi Quán	18/3/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
184	Nguyễn Hữu Tinh	02/10/1995	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
185	Trần Ngọc Hoàng	30/5/1998	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn A2	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
186	Đặng Như Uyên Phương	13/3/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B2	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp
187	Nguyễn Thanh Thảo	24/01/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH		Không	Đủ điều kiện	
188	Lê Thị Tuyết Ngân	24/6/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn C	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghề vụ sự phạm	Đối tượng ưu tiên	Kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển	Ghi chú
189	Phạm Thanh Trung	01/4/1995	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	A		Không	Đủ điều kiện	
190	Bùi Thị Yên	7/9/1995	Nữ	Mường	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Dân tộc Mường	Đủ điều kiện	
191	Huỳnh Văn Lợi	25/01/1982	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	Đại học SP Tin		Không	Đủ điều kiện	
192	Nguyễn Nhật Phi	22/12/1992	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Toán	Tiếng Anh	Tin học UDCNTTCB		Không	Đủ điều kiện	
193	Đỗ Ngọc Phương Uyên	26/9/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B2	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
194	Huỳnh Ngân Long	15/7/1994	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	Toeic 450	A	bồi dưỡng NVSP Toán THCS	Không	Đủ điều kiện	
195	Đặng Huy	14/6/1994	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B2	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
196	Nguyễn Thị Kim Cúc	12/11/1978	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	Cao đẳng Toán Tin, B		Không	Đủ điều kiện	
197	Lê Minh Tôn	14/4/1991	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	B		Không	Đủ điều kiện	
198	Võ Minh Tâm	12/12/1978	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	B		Không	Đủ điều kiện	
199	Phạm Đức Thắng	02/12/1996	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	B		Không	Đủ điều kiện	
200	Nguyễn Thị Như Thảo	09/10/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
201	Trần Tiến Đức Trường	08/9/1985	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	A		Không	Đủ điều kiện	
202	Hồ Thị Trang Nhã	03/9/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn A2	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
203	Trần Thị Cẩm Tiên	16/12/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
204	Huỳnh Anh Vũ	27/9/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Toán học	Anh văn B1	UDCNTT trong dạy học		Không	Đủ điều kiện	
205	Lê Khưu Thư Anh	20/3/1986	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Toán học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH		Không	Đủ điều kiện	
206	Thái Lâm Mỹ Phương	09/02/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên Toán	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Toán học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH		Không	Đủ điều kiện	
207	Đặng Thị Thủy Ngọc	20/4/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Đăng	Đại học	Sư phạm Vật lý	Theo bảng điểm ĐH	B		Không	Đủ điều kiện	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghề vụ sự phạm	Đối tượng ưu tiên	Kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển	Ghi chú
208	Phạm Châu Huỳnh Mỹ	11/9/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Đàng	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
209	Nguyễn Văn Hán	27/05/1968	Nam	Kinh	Giáo viên Vật Lý	Trường THCS Trần Văn Đàng	Đại học	Sư phạm Vật Lý	Tiếng Nga	tin học UD		Không	Đủ điều kiện	
210	Nguyễn Thị Liễu	27/02/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật Lý	Anh văn B	B		Không	Đủ điều kiện	
211	Vũ Hải Nguyễn	11/11/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật Lý	Anh văn B2	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
212	Dương Thị Thanh Triều	10/8/1984	Nữ	Chăm	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật Lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản		dân tộc Chăm	Đủ điều kiện	
213	Nguyễn Thị Mỹ Anh	20/01/1993	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Vật lý	Anh văn B	B	bồi dưỡng NVSP cho Giáo viên dạy KHTN cấp THCS	Không	Đủ điều kiện	
214	Nguyễn Thị Bích Loan	29/8/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
215	Nguyễn Thiên Trang	07/5/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
216	Nguyễn Thị Thanh Thanh	20/4/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B	B		Không	Đủ điều kiện	
217	Hoàng Ngọc Cát Tường	28/6/1986	Nam	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
218	Nguyễn Thanh Nhã	25/9/1995	Nam	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B2	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
219	Hồ Thị Thanh Tháo	15/7/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp
220	Đỗ Diệu Linh	12/9/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
221	Ta Hoàng Anh Khoa	16/10/1996	Nam	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B2	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
222	Nguyễn Ngọc Phương Tháo	20/7/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
223	Lý Lê Phương	25/9/1998	Nữ	Hoa	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B1	UDCNTT trong dạy học		Dân tộc Hoa	Đủ điều kiện	
224	Nguyễn Thị Ngọc Bích	28/01/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
225	Trần Thị Huyền	01/02/1982	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B	B		Không	Đủ điều kiện	
226	Đoàn Thị Ánh Nguyệt	06/9/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B1	Ứng dụng CNTT		Không	Đủ điều kiện	
227	Đỗ Thị Đào	01/5/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B	B		Không	Đủ điều kiện	
228	Trương Thanh Hương	04/12/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghề vụ sư phạm	Đối tượng ưu tiên	Kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển	Ghi chú
229	Phạm Vũ Thùy Trang	08/03/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
230	Dương Thị Bích Hạnh	15/07/1982	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	A		Con thương binh	Đủ điều kiện	
231	Trần Thị Bích Hào	06/05/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
232	Nguyễn Thị Minh Thu	01/12/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	Chứng chỉ Tin học		Không	Đủ điều kiện	
233	Trần Bảo Lân	28/09/2000	Nam	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
234	Nguyễn Thị Yến Trinh	31/8/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
235	Nguyễn Đức Tài	29/3/1996	Nam	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B	A		Không	Đủ điều kiện	
236	Phạm Thị Lan Phương	25/11/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B2	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
237	Vũ Thu Trúc	15/11/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
238	Lê Thị Hạnh Dung	06/12/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	A		Không	Đủ điều kiện	
239	Trần Thị Diệu Lan	26/10/1991	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	A		Không	Đủ điều kiện	
240	Bùi Thị Minh Anh	12/4/1998	Nữ	Mường	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		dân tộc Mường	Đủ điều kiện	
241	Ngô Thị Thủy	02/9/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B2	A		Không	Đủ điều kiện	
242	Trần Văn Hòa	18/01/1985	Nam	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH		Không	Đủ điều kiện	
243	Nguyễn Lê Diệu Ái	14/02/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
244	Phan Thị Hồng Ngọc	16/8/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B2	C		Không	Đủ điều kiện	
245	Lê Thị Thu Hà	25/7/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	A		Không	Đủ điều kiện	
246	Nguyễn Thị Yên	02/9/1988	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH		Không	Đủ điều kiện	
247	Đỗ Anh Khuê	02/11/1992	Nam	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
248	Trịnh Thị Thanh Xuân	17/01/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
249	Hoàng Thị Thủy Dung	10/10/1996	Nữ	Nùng	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Dân tộc Nùng	Đủ điều kiện	
250	Đỗ Thị Bích Liên	06/12/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
251	Bùi Thị Hoàn	05/5/1994	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B	A		Không	Đủ điều kiện	
252	Đỗ Thị Thu Hà	08/01/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B	B		Không	Đủ điều kiện	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghị vụ sư phạm	Đối tượng ưu tiên	Kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển	Ghi chú
253	Lý Kim Yến	09/11/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Hóa học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
254	Nguyễn Minh Như	06/7/1992	Nam	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B	A		Không	Đủ điều kiện	
255	Trần Thị Bé Thanh	04/01/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
256	Vân Thị Bích Hào	01/02/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Hóa học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
257	Nguyễn Thị Thủy Trang	12/8/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn A2	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
258	Nguyễn Phước Sang	25/4/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B2	A		Không	Đủ điều kiện	
259	Nguyễn Tống Yến Như	14/11/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
260	Trần Minh Tinh	12/10/1987	Nam	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh văn B	B		Không	Đủ điều kiện	
261	Hoàng Bảo Khánh	23/02/2001	Nam	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
262	Nguyễn Hồng Anh	17/01/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Anh văn B2	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
263	Nguyễn Phương Thi	29/8/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
264	Võ Duy Tiến	24/3/1998	Nam	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
265	Nguyễn Thị Hoa	31/7/1995	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B	Ứng dụng CNTT trong dạy - học		Không	Đủ điều kiện	
266	Nguyễn Ngọc Quỳnh	15/6/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn A2	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
267	Trương Thị Huyền Trân	24/01/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Văn - Sư phạm	Anh văn A	A		Không	Đủ điều kiện	
268	Lê Thị Phương Vân	10/02/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
269	Chu Phạm Tường Vi	12/05/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
270	Trần Như Huyền	06/01/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
271	Thông Thị Thu Hoàng	10/6/1998	Nữ	Raglay	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B1	CNTT cơ bản		dân tộc Raglay	Đủ điều kiện	
272	Nguyễn Thị Thanh Ngân	15/4/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
273	Trịnh Thị Châm Anh	16/5/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghề vụ sự phạm	Đối tượng ưu tiên	Kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển	Ghi chú
274	Quách Tấn Khôi	22/11/2000	Nam	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Văn - Sự phạm	Anh văn B1	Word, Excel		Không	Đủ điều kiện	
275	Nguyễn Xuân Thiện	05/3/2001	Nam	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp
276	Lâm Thị Tú Loan	28/10/1987	Nữ	Nùng	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B1	A		Dân tộc Nùng	Đủ điều kiện	
277	Đặng Ngọc Uyên Nhi	25/9/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp
278	Nguyễn Thị Thủy Dương	01/4/1998	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Theo bảng điểm ĐH	Theo bảng điểm ĐH		Không	Đủ điều kiện	
279	Nguyễn Ngọc Gia Nghi	02/9/1996	Nữ	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
280	Đặng Ngọc Tuấn	07/9/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Anh văn B1	Theo bảng điểm ĐH		Không	Đủ điều kiện	
281	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	25/3/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
282	Đỗ Ngọc Trâm	27/7/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
283	Trần Thị Huyền Trân	08/6/1992	Nữ	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Anh văn B	A		Không	Đủ điều kiện	
284	Lê Lợi Lan Anh	02/01/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
285	Đỗ Nguyễn Thanh Tâm	13/01/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
286	Nguyễn Thị Hồng Nhung	15/9/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Anh văn B1	Theo bảng điểm ĐH		Không	Đủ điều kiện	
287	Văng Hồng Vương	15/3/1994	Nam	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
288	Võ Hoàng Sơn	29/4/1995	Nam	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Tiếng trung HSK3	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
289	Phạm Nhật Tấn	29/6/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
290	Nguyễn Thành Tâm	23/02/2001	Nam	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
291	Đỗ Trọng Hiền	17/01/1998	Nam	Kinh	Giáo viên Địa lí	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Đại học	Địa lí	Pháp văn B	Tin học đại cương	Bồi dưỡng NVSP cho Giáo viên Lịch sử và Địa lý cấp THCS	Không	Đủ điều kiện	
292	Nguyễn Văn Quý	23/9/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Địa lí	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Địa lí	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
293	Phạm Thị Mỹ Hằng	30/8/1997	Nữ	Kinh	Giáo viên Địa lí	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Địa lí	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
294	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	25/10/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Địa lí	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Địa lí	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nhiệm vụ sự phạm	Đối tượng ưu tiên	Kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển	Ghi chú
295	Lê Trung Hiếu	09/9/1999	Nam	Kinh	Giáo viên Địa lí	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	Đại học	Sư phạm Địa lí	Anh văn B1	CNTT trong dạy học		Không	Đủ điều kiện	
296	Nguyễn Tiến Xuân Hữu	15/6/1989	Nam	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp	Anh văn B	A		Không	Đủ điều kiện	
297	Trần Gia Hân	25/8/1999	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh văn A2	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
298	Lê Thị Hải Lê	24/7/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Âu Lạc	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
299	Bach Nguyễn Huyền Trân	01/8/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Quang Trung	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp
300	Dương Trường Phước	29/11/2000	Nam	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Quang Trung	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
301	Bùi Thị Minh Trinh	06/7/2000	Nữ	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm Sinh học	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
302	Trương Minh Khải	21/11/1997	Nam	Kinh	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Võ Văn Tần	Đại học	Sư phạm Sinh học	Đại học	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
303	Nguyễn Thị Thu Hoài	10/4/1984	Nữ	Kinh	Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Giáo dục chính trị	Anh văn B	B		Không	Đủ điều kiện	
304	Lê Huỳnh Ngọc Linh	19/11/2001	Nữ	Kinh	Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Trần Văn Quang	Đại học	Giáo dục chính trị	Theo bảng điểm ĐH	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	Giấy chứng nhận tốt nghiệp
305	Dương Thị Lệ	18/5/1990	Nữ	Kinh	Giáo viên Công nghệ CN6	Trường THCS Công nghệ Trường Chinh	Đại học	Sư phạm Công nghệ	Anh văn B	B		Không	Đủ điều kiện	Công nghệ 6
306	Nguyễn Thị Tiên	20/8/1993	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán (06.032)	Trường Mầm non 1	Cao đẳng	Kế toán doanh nghiệp	Anh văn B	B		Không	Đủ điều kiện	
307	Nguyễn Thanh Hà	24/10/1988	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán (06.031)	Trường Mầm non 6	Đại học	Kế toán	Anh văn B	B	bồi dưỡng nghề nghiệp chuyên viên và tương đương	Không	Đủ điều kiện	
308	Nguyễn Thị Thu Tháo	01/9/1981	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán (06.031)	Trường Mầm non 10A	Đại học	Kế toán	Anh văn A	B		Không	Đủ điều kiện	
309	Phạm Thị Thanh Thủy	20/01/1993	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán (06.032)	Trường Mầm non 14	Cao đẳng	Kế toán doanh nghiệp	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
310	Đỗ Thị Minh Thu	01/8/1992	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán (06.032)	Trường Mầm non 14	Cao đẳng	Tài chính-Ngân hàng	Anh văn B	A		Không	Đủ điều kiện	
311	Đoàn Mai Ngọc	28/11/1987	Kinh	Kinh	Nhân viên Kế toán (06.032)	Trường Mầm non 14	Cao đẳng	Kế toán kiểm toán		Tin học ứng dụng		Không	Đủ điều kiện	
312	Nguyễn Thị Bích Duyên	11/4/1997	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán (06.032)	Trường Mầm non Tuổi Xanh	Cao đẳng	Kế toán	Anh văn A2	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nhiệm vụ sự phạm	Đối tượng ưu tiên	Kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển	Ghi chú
313	Nguyễn Thị Loan	25/6/1992	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán (06.031)	Trường Tiểu học Tân Sơn Nhất	Đại học	Kế toán	Anh văn B1	CNTT nâng cao	bồi dưỡng ngạch kế toán viên; bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Không	Đủ điều kiện	
314	Nguyễn Thị Thanh Mai	06/01/1989	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán (06.031)	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Đại học	Kế toán	Anh văn A	CNTT cơ bản	bồi dưỡng ngạch kế toán viên; bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Không	Đủ điều kiện	
315	Nguyễn Hoàng Bảo Nhi	24/8/1982	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán (06.031)	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Đại học	Kế toán	Anh văn A	B		Không	Đủ điều kiện	
316	Đặng Thị Thủy Vân	06/5/1989	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán (06.031)	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	Đại học	Tài chính-Ngân hàng	Anh văn A2	CNTT cơ bản	bồi dưỡng ngạch kế toán viên	Không	Đủ điều kiện	
317	Cao Thị Duyên	02/05/1980	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán (06.031)	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	Đại học	Kế toán tài chính	Anh văn A	Tin học văn phòng	bồi dưỡng ngạch kế toán viên; bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Không	Đủ điều kiện	
318	Nguyễn Thị Gái	28/7/1999	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán (06.031)	Trường Tiểu học Ngọc Hôi	Đại học	Kế toán	TOEIC 450	CNTT nâng cao	bồi dưỡng ngạch kế toán viên; bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Không	Đủ điều kiện	
319	Trương Thị Nguyệt Hằng	11/4/1992	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán (06.032)	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Cao đẳng	Tài chính-Ngân hàng	Anh văn B	A		Không	Đủ điều kiện	
320	Nguyễn Thị Bích Huyền	14/4/1990	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán (06.031)	Trường Tiểu học Cách Mạng Tháng Tám	Đại học	Kế toán	Anh văn B	A	170-CV/2023	Không	Đủ điều kiện	
321	Ngô Như Ngọc	11/10/1987	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán (06.031)	Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến	Đại học	Kế toán	Anh văn B	A	bồi dưỡng ngạch kế toán viên; bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Không	Đủ điều kiện	
322	Huỳnh Việt Thắng	29/3/1975	Nam	Kinh	Nhân viên Kế toán (06.031)	Trường Tiểu học Chi Lăng	Đại học	Tài chính Nhà nước	Anh văn B	A		Không	Đủ điều kiện	
323	Lê Thị Nguyễn Mỹ	02/4/2000	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán (06.031)	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Đại học	Kế toán	IELTS 5.5	CNTT		Không	Đủ điều kiện	
324	Huỳnh Kim Hanh	08/5/1987	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán (06.031)	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Đại học	Kế toán	Anh văn C	B		Không	Đủ điều kiện	
325	Nguyễn Hồ Thanh Quang	15/05/1988	Nam	Kinh	Nhân viên Kế toán (06.031)	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Tài chính - Kế toán	Anh văn A	CNTT cơ bản	bồi dưỡng ngạch kế toán viên; bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Không	Đủ điều kiện	
326	Vũ Thị Thu Huyền	02/02/1991	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán (06.031)	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Kế toán	Toeic	Tin học ứng dụng		Không	Đủ điều kiện	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghề vụ sự phạm	Đối tượng ưu tiên	Kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển	Ghi chú
327	Trần Lý Cẩm Tú	15/11/1991	Nữ	Kinh	Nhân viên Kế toán (06.031)	Trường THCS Tân Bình	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Toeic 400	B		Không	Đủ điều kiện	
328	Võ Đình Nhã Uy	10/04/1982	Nam	Kinh	Nhân viên Kế toán (06.032)	Trường THCS Ngô Quyền	Cao đẳng	Kế toán doanh nghiệp	Đại học Ngôn ngữ Anh	Ứng dụng CNTT	bồi dưỡng nghề kế toán viên	Không	Đủ điều kiện	
329	Huỳnh Thị Hồng Đào	17/5/1991	Nữ	Kinh	NV Hỗ trợ GD người khuyết tật (V.07.06.16)	Trường Tiểu học Cách Mạng Tháng Tám	Trung cấp	Sư phạm tiểu học	Anh văn B1	CNTT cơ bản	Chứng chỉ Giáo dục đặc biệt	Không	Đủ điều kiện	
330	Trần Thị Thuyền	21/10/1988	Nữ	Kinh	NV Hỗ trợ GD người khuyết tật (V.07.06.16)	Trường Tiểu học Tân Sơn Nhất	Trung cấp	Điều dưỡng	Anh văn B	A	bồi dưỡng kỹ năng giáo dục trẻ khuyết tật hòa nhập	Không	Đủ điều kiện	
331	Nguyễn Thị Thùy Trang	23/5/1998	Nữ	Kinh	Nhân viên Văn thư (02.008)	Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến	Cao đẳng	Quản trị Văn phòng	Anh văn A2	CNTT cơ bản	Chứng chỉ nghiệp vụ VT-LT	Không	Đủ điều kiện	
332	Nguyễn Thụy Thu Thảo	27/02/1982	Nữ	Kinh	Nhân viên Văn thư (02.008)	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Trung cấp	Hành chính văn phòng	Anh văn B	B		Không	Đủ điều kiện	
333	Nguyễn Thị Mai	08/08/1982	Nữ	Kinh	Nhân viên Văn thư (02.008)	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Cao đẳng	Kế toán doanh nghiệp	TOEFL ITP	CNTT cơ bản	Chứng chỉ Văn thư - Lưu trữ	Không	Đủ điều kiện	
334	Đặng Thị Thanh Trúc	29/6/1992	Nữ	Kinh	Nhân viên Văn thư (02.007)	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Quản lý giáo dục	Anh văn bậc 2	CNTT nâng cao	Chứng chỉ Quản trị Văn phòng và Công tác Văn thư lưu trữ	Không	Đủ điều kiện	
335	Ngô Hoài Bảo	09/01/1978	Nam	Kinh	Nhân viên Thư viện	Trường Tiểu học Đồng Đa	Đại học	Giáo dục tiểu học	Theo bảng điểm ĐH	UDCNTT	bồi dưỡng nghiệp vụ Thông tin - Thư viện	Không	Đủ điều kiện	
336	Lại Hải Hà	16/9/2000	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện (V.10.02.07)	Trường Tiểu học Bánh Ván Trán	Cao đẳng	Dịch vụ thương mại hàng không	Toeic	CNTT cơ bản	Nghề vụ Thông tin - Thư viện	Không	Đủ điều kiện	
337	Nguyễn Thị Ngọc Phương	12/10/1983	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện (V.10.02.07)	Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến	Trung cấp	Kế toán	Anh văn A2	CNTT cơ bản	bồi dưỡng chứng chỉ thư viện	Không	Đủ điều kiện	
338	Đồng Thị Bích Liên	01/7/1973	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện (V.10.02.07)	Trường Tiểu học Yên Thế	Trung cấp	Thư viện - thiết bị trường học	Anh văn B	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	
339	Nguyễn Thị Minh Thụy	16/12/1984	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện (V.10.02.06)	Trường Tiểu học Yên Thế	Đại học	Kế toán	Anh văn B	A	bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN chuyên ngành Thư viện	Không	Đủ điều kiện	
340	Phan Thị Phương	01/01/1985	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện (V.10.02.06)	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Thư viện - Thông tin học	Anh văn B1	CNTT cơ bản		Không	Đủ điều kiện	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Nghề vụ sự phạm	Đối tượng ưu tiên	Kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển	Ghi chú
341	Trương Thị Kim Hân	01/12/1997	Nữ	Kinh	Nhân viên Thư viện (V.10.02.07)	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Đại học	Công nghệ thực phẩm		Tin học Ứng dụng	Chứng chỉ nghiệp vụ Thông tin - Thư viện	Không	Đủ điều kiện	
342	Lê Nghi Lập	24/11/1986	Nam	Kinh	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm (V.07.07.20)	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	Cao đẳng	Công nghệ Kỹ thuật điện	Anh văn B	CNTT cơ bản	Chứng chỉ nghiệp vụ Thư viện - Thiết bị trường học	Không	Đủ điều kiện	
343	Nguyễn Thị Thu Hương	30/10/1980	Nữ	Kinh	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm (V.07.07.20)	Trường THCS Ngô Quyền	Đại học	Sư phạm Vật lý	A	A		Không	Đủ điều kiện	
344	Nguyễn Công Thuận	19/02/1986	Nam	Kinh	Nhân viên Công nghệ thông tin (V.11.06.15)	Trường THCS Trường Chinh	Trung cấp	Tin học		Trung cấp		Không	Đủ điều kiện	
345	Đặng Tấn Huy	15/4/1983	Nam	Kinh	Nhân viên Công nghệ thông tin (V.11.06.15)	Trường Tiểu học Yên Thế	Trung cấp	Kỹ thuật viên Tin học		Trung cấp Tin học		Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Đủ điều kiện	
346	Trần Nhật Quang Khang	20/7/1999	Nam	Kinh	Nhân viên Công nghệ thông tin (V.11.06.14)	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Đại học	Công nghệ thông tin	Theo bảng điểm ĐH	Đại học			Đủ điều kiện	

Danh sách có tổng cộng 346 thí sinh đủ điều kiện./.